



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

LOI#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN QUANG T. CHANH
Last Middle First

Current Address: 115 Bui Hop thu Binh Dien Thi xa Vinh Long

Date of Birth: 1938 Place of Birth: Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/7/75 To 2/19/83
Years: 8 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 9 năm 1989.

Kính ba "Khúc minh Thờ."

Tôi là Nguyễn Quang T. Chánh, cựu Thiếu tá Hiệu phòng 4 Sĩ đoàn 21 BB của chánh phủ Saigon trước năm 1975.

Nay tôi đã được biết có sự thỏa thuận giữa chính phủ VN và Hoa Kỳ là cho chánh phủ Hoa Kỳ lãnh các sĩ quan cơ đã có tham gia chánh phủ trước năm 1975. Tôi được một người bạn hiếu dân viết đơn và bảo tôi gửi hồ sơ này đi nhờ bà trợ giúp viết đơn và đưa vào phòng xét hồ sơ ở ĐP (điện sĩ quan nhóm đạo). Vậy xin bà nhìn ít thì giờ đi nộp hồ sơ tôi gửi theo đây; cũng như xem diện của tôi có được cứu xét không? và có được ghi tên vào chính phủ Hoa Kỳ bảo lãnh không? Vì trước đây tôi cũng có gửi đơn xin us ing như ở Thái Lan nhà không có tiền lực gì ca.

Vì thế, hôm nay tôi mới mạo muội viết thư và gửi hồ sơ của tôi nhờ bà giúp đỡ; xin bà xem, có cần bổ túc gì thêm, bà cho nhân viên biên ít chữ để tôi gửi bổ túc thêm.

Trước khi dứt lời, thật cảm ơn bà và các nhân viên công tác đi lo giúp đỡ chúng tôi này. Tôi rất mong tin của bà đi được biết rõ tiền lực của tôi đi hết tốt cảm ơn bà.

Nguyễn Quang T. Chánh.

Chu

Hộp thư: 115 bưu điện Thủ xã Vĩnh Long, (Thủ Đức Long).

Ernst-von-Martin

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, thị trấn : _____

Thị xã, Quận : _____

Thành phố, tỉnh : _____

vjs

BẢN SAO

GIẤY KHAI SANH

Số 46

Quyển số _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	Nguyễn Quang T. Chính		Nam, Nữ
Sinh ngày			
Tháng, năm	08 - 11 - 1938		
Nơi sinh	An - Thành		
Khai về cha mẹ			
	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Quang Diên	Đỗ Thị Hương	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	V. V.	V. V.	
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Làm ruộng	
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	Trước lúc y hôn chết		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 8 tháng 4 năm 1988TM/UBND Xã An Thành ký tên đóng dấuViết xong đăng ký, ngày 3 tháng 5 năm 1982

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Chánh lục Sĩ



Nguyễn Văn Chò

Thuyết viên Thiệu (ân ký)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Phong-Thới

VĨNH LONG

(NAM-PHÁP)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 152
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Trần-Thị-Hằng-Nga
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Cái
Sanh ngày nào (Date de naissance)	18 Mai 1941
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phong-Thới
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Trần-Minh-Kỳ
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Phong-Thới
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Tiền-Thị-Xem
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Phong-Thới
Vợ chính hay thứ (Son rang de femme mariée)	vợ chính

Chúng tôi
(Nous)
Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)
Chánh-Lục-Sự Tòa-Án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

, ngày 19
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chính :
(Pour extrait conforme)

Vĩnh Long, ngày 2.10 70

CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF



Phong-văn-Hợp

Giá tiền 15\$00
(Cout)
Biên-lai số 21540 T/10
(Quittance No)

KHAI SANH

Tên, họ đầu nhĩ: Nguyễn-quang-Trung-Trực
 Phái: Nam
 Sinh: Này sáu tháng hai năm một ngàn
(Ngày, tháng, năm)
chín trăm sáu mươi bảy
 Tại: Xã Vị-Thanh
 Cha: Nguyễn-quang-T-Chánh
(Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi chín
 Nghề-nghiep: Quân nhân
 Cư-trú tại: K.B.C.4172
 Mẹ: Trần-thị-Hàng-Nga
(Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi sáu
 Nghề-nghiep: Nội trợ
 Cư-trú tại: Xã Vị-Thanh
 Vợ: Chánh
(Chánh hay thứ)
 Người khai: Nguyễn-quang-T-Chánh
(Tên, họ)
 Tuổi: Hai mươi chín
 Nghề-nghiep: Quân nhân
 Cư-trú tại: K.B.C.4172
 Ngày khai: Ngày mười bốn tháng hai năm 1967
 Người chứng thứ nhứt: Trần-bá-Hộ
(Tên, họ)
 Tuổi: Bốn chục
 Nghề-nghiep: Buôn bán
 Cư-trú tại: Xã Vị-Thanh
 Người chứng thứ nhì: Ngô-châu-Mỹ
Tên họ
 Tuổi: Năm mươi
 Nghề-nghiep: Buôn bán
 Cư-trú: Xã Vị-Thanh

Trích lục y theo bộ Khai
 sanh năm 1967. Số: 124

Vị-Thanh, ngày 13/6/1967
 Chủ tịch kiêm Hộ-Tịch



NGÔ-CHÂU-MỸ

Lập tại xã Vị-Thanh ngày 14/02/1967
 Người khai Hộ lại Nhân chứng

Nguyễn-quang-T-Chánh Trần-văn-Mười
 (ký tên)

Trần-bá-Hộ
 Ngô-châu-Mỹ
 (ký tên)



T.L.T. TRƯỞNG

LÊ-VĂN-CÂN

TỈNH Bạc LiêuQUẬN Vĩnh-LợiXÃ Vĩnh-LợiSố hiệu: 3108

*

Hồ sơ quân nhân

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM 19 69

Tên, họ đứa nhỏ . . .	<u>Nguyễn-Quang-Phủ</u>
Phái	<u>Nam</u>
Ngày sanh.	<u>Ngày hai tháng mười một năm một ngàn</u> <u>chín trăm sáu mươi chín (22g05)</u>
Nơi sanh	<u>Vĩnh-Lợi - Bạc Liêu</u>
Tên, họ người cha . . .	<u>Nguyễn-Quang-T-Chánh</u>
Tuổi	<u>Ba mươi một</u>
Nghề-nghiệp	<u>Quân-nhân</u>
Nơi cư-ngụ	<u>KBC. 3.044</u>
Tên, họ người mẹ . . .	<u>Trần-Thị-Hằng-Nga</u>
Tuổi	<u>Hai mươi tám</u>
Nghề-nghiệp	<u>Nội-trợ</u>
Nơi cư-ngụ	<u>Vĩnh-Lợi</u>
Vợ, chánh hay thứ . . .	<u>Vợ chánh</u>

MIỄN THỊ THỰC

Làm tại Vĩnh-Lợi, ngày 5 tháng 11 năm 19 69

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Vĩnh-Lợi, ngày 16 tháng 11 năm 19 72ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH, Đ

Trần Văn Tây

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, thị trấn

An Bình

Thị xã, quận

Long Hồ

Thành phố, tỉnh

Cần Long

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 72/3327
Quyển số

Họ và tên	Nguyễn Quang Quý		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng năm	Ngày mười một tháng mười một năm mười chín trăm bảy mươi hai (11-11-1972)			
Nơi sinh	Vĩnh Lợi Bạc Liêu			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Quang T chín		Trần Thị Hằng Ba	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Quân nhân		Nô lệ	
Nơi ĐKNK thường trú	KBC: 3044		Vĩnh Lợi:	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Trích y bản chính			

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 5 tháng 9 năm 1982

TM/UBND

Xã An Bình

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ họ tên chức vụ)



Nguyễn Văn Yên

Vĩnh Lợi, ngày 16 tháng 11 năm 1972

TM/UBND

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ họ tên chức vụ)

Xã Trưởng kiêm Ủy viên HĐND
Trần Văn Văn Ủy

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Bà Rịa
QUẬN Vĩnh Lợi
XÃ Vĩnh Lợi

Số hiệu: 1307.

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 8 tháng 6 năm 1974.

Tên họ đứa trẻ . . . : Nguyễn - quang - Minh
Con trai hay con gái : Nam
Ngày sanh . . . : Ngày Nam tháng Sáu năm một ngàn chín
trăm bảy mươi bốn (20 giờ 35).
Nơi sanh : Vĩnh Lợi - Bà Rịa
Tên họ người cha . . : Nguyễn - Quang T. Chánh
Tên họ người mẹ . . : Trần - thị Hằng - Nga
Vợ chánh hay không có
hôn thú : Vợ chánh
Tên họ người đứng khai Giang - kim - Quang

MIỄN THỊ THỰC

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH:

Vĩnh Lợi, ngày 10 tháng 6 năm 1974.
Xã-Trưởng kiêm Viên-chức Hộ-Tịch,



Thái - hưng - Khôn

BỘ NỘI VỤ
TRẠI QUÂN LỘC
Số : 175 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

0 : 0 : 1 : 5 : 7 : 8 : 0 : 1 : 8 : 9 : 2 :

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo Thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ Nội Vụ :
Thi hành án văn , Quyết Định tha số 90/QĐ ngày 02 tháng 02 năm 1983 của
Bộ Nội Vụ .

Nay cấp giấy tha cho Anh , chị có tên sau đây :

Họ tên khai sinh : NGUYỄN QUANG T CHÁNH

Họ , tên thường gọi

Họ , tên bí danh

Sinh ngày 08 tháng 11 năm 1938

Nơi sinh : Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 157 An Thái -
An Bình , Long Hồ Vĩnh Long .

Can tội Thiếu tá Trưởng phòng 4 .

Bị bắt ngày 07 / 5 / 1975 Án phạt TTCT .

Theo quyết định án văn số . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .

Sao y bản diêm của

AN ĐỊNH ngày 8 tháng 4 năm 1988 Đã bị tăng án . . . lần . cộng thành . . . năm . . . tháng . . .

Đã được giảm án . . . lần , cộng thành . . . năm . . . tháng . . .

Nay về cư trú tại 157 An - Thái , An - Bình , Long Hồ Cửu Long .

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế 12 tháng

Lần tay ngón trái phải của

Nguyễn Quang T - Chánh

Danh bản số 7685 Lập tại

Quân Pháp

Sao y bản chánh

Họ , tên , chữ ký

người được cấp giấy

Nguyễn Quang T - Chánh

Ngày 19 tháng 02 - 1983

GIÁM THỊ

Ấn ký

Thượng Tá

TRINH VĂN THÍCH

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO "GƯỜI NỘP ĐƠN"

ODP IV # _____

Date:

Ngày: 04 tháng 09 năm 1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjaldum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN QUANG T. CHÁNH Sex: Phái nam
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 09-11-1938 An thành "Vĩnh Long"
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 310/15 Ấp An Thới "A", xã An Bình, thị xã Vĩnh Long, Cửu Long
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : Hộp thư 115 Bưu điện Vĩnh Long "Thị xã Cửu Long"
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Chạy xe lôi

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Trần Thị Hằng Nga</u>	<u>18-05-1941</u>	<u>Phong Hòa, vùng Kien, Vĩnh Long</u>	<u>Nữ</u>	<u>(M)</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>Nguyễn Quang Trung Tonic</u>	<u>06-02-1967</u>	<u>Vị thành, Chương Thiện</u>	<u>Nam</u>	<u>(S)</u>	<u>con</u>
3. <u>Nguyễn Quang Phú</u>	<u>1969</u>	<u>Bách Lôi "Bạc Liêu"</u>	<u>Nam</u>	<u>(S)</u>	<u>con</u>
4. <u>Nguyễn Quang Quý</u>	<u>11-11-1972</u>	<u>Vĩnh Lôi "Bạc Liêu"</u>	<u>Nam</u>	<u>(S)</u>	<u>con</u>
5. <u>Nguyễn Quang Minh</u>	<u>1974</u>	<u>Vĩnh Lôi "Bạc Liêu"</u>	<u>Nam</u>	<u>(S)</u>	<u>con</u>
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

Nguyễn Thị Huyền Nga "Nga Nguyễn ANNA"

Con

1499 King St. W.

APT # 401 TORONTO, ONT, M6 K 1 J 4
CANADA.

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: Nguyễn Quang Diệu (Dead)

2. Mother

Mẹ

: Đỗ Thị Hương (Dead)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: Trần Thị Hằng Nga (Living)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1) Nguyễn Thị Huyền Nga "Nga Nguyễn ANNA" (Canada) Living

(2) Nguyễn Quang Trung TRÚC (Living)

(3) Nguyễn Quang Phú (Living)

(4) Nguyễn Quang Đức (Living)

(5) Nguyễn Quang Minh (Living)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1) Chị Nguyễn Thị Thơm (Living)

(2) anh Nguyễn Văn Huệ (Living)

(3) anh Nguyễn Văn Trang (Living)

(4) em Nguyễn Quang Tuấn (Living)

(5) em Nguyễn Quang Văn (Living)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment

Thời-gian làm-việc

From:

Từ

To:

Đến

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment

Thời-gian làm việc

From:

Từ

To:

Đến

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment

Thời gian làm việc

From:

Từ

To:

Đến

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia:

2. Dates:

Ngày, tháng, năm

From:

Từ

To:

Đến

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan

chỉ-huy

Nguyễn quang T. Chánh

1962 30-04-1975

Thiếu tá (Major) Số quân: 58/149232 (Military serial number)

Trưởng phòng H/ Sư đoàn 21 Bộ Binh (chief of G4/21st Division)

Chuẩn-hướng: Mạch Văn Trường (Major General M.V.T)

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ : First Sergeant Provet + Captain Doball
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ.
tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: U.S. silver star Ngày nhận: 1972 (given by General Abney)

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có ☐ Không ☒)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

- Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
- School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
- Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
- Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
- Who paid for training? :
Ai đài-tho chi trả chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

- Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Nguyễn Quang T. Chánh
- Time in Reeducation: From: (May) 07-05-1975 To: (Feb) 19-02-1983
Thời gian học-tập Từ: _____ Đến: _____
- Still in Reeducation? * Yes ☐ No ☐
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có ☐ Không ☒ quản chỉ 12 tháng

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Sau khi ra trại cải tạo; về nhà tiếp tục bị quản
chỉ tại địa phương thêm (01) một năm. Được xá chỉ
khoảng tháng 10 năm 1984. Được làm chứng minh nhân dân ngày: 23-12-1987

Signature _____ Date _____
Ký tên : Chau Ngày: 01-09-1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với câu hỏi này

- Hôn thú : (marriage certificates)
- Căn cước : (chứng minh nhân dân) : identification cards
- Khai sinh : (copies of birth certificates)
- Tấm ảnh : (photos)
- giấy ra trại số 175 GAT (release certificate)
- thẻ số : 401/24/1/68



Thẻ số: 401/21/1/68

Nhân viên: PHONG L



Cấp-bậc: Đại-úy

Tên và Họ: G. QUANG. T. CHANH

Số quân: 58/149.232

Chữ ký của đương sự.

Chữ ký

KBC. 3.044, ngày 25 tháng 11 / 1968
chữ ký của: Chi Huy Trường/THD.

Đại-Ủy QUÁCH VĂN THIÊN



CHỈ CHÚ

- Thẻ này chỉ được quyền ra vào Bộ Tư-Lệnh.
- Khi mất phải báo cáo ngay cho Cơ quan A.M.Q.D.
- Tuyệt đối không giao Thẻ này cho người khác sử dụng, mọi vi phạm sẽ bị nghiêm trị.
- Hoàn trả Thẻ này về THD/MB khi chuyển chuyển

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 330910690

Họ tên Đặng Văn Phun

Tên thường gọi

Nơi thường trú

An Bình, Long Hồ, Cần Thơ

Đầu vết riêng hoặc dị lãn

2. Con dưới của anh này phải

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại: An Bm

Đến đến ngày 1/10/1988

Trà giấy CHVD
Ngày 1/10/88
(Ghi rõ họ, tên người ký)

Quản

Trần Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 019/000223

Họ tên NGUYỄN QUANG QUÍ

Sinh ngày 1972

Nguyên quán An Bình,

..... Vĩnh Long, Cửu Long.

Nơi thường trú An Thới A, An-

Bình, Vĩnh Long, Cửu Long.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

không

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo...thẳng...lcm cách
3cm sau cánh mũi
fải.

Ngày 11 tháng 10 năm 1988

BIỆM GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGŨN TRỎ TRÁI

NGŨN TRỎ PHẢI

Le Anh
Le Văn Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 330739758

Họ tên

NGUYỄN QUANG TRUNG TRỰC

Sinh ngày 1967

Nguyên quán Vĩnh-Thời

Vĩnh-Thời, Minh-Hải

Nơi thường trú An-Thời-A

An-Bình, Long-Hồ, C-Long



Dân tộc: ...**Kinh**... Tôn giáo: ...**không**...

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm cách 2,5cm
trên sau mép phải

Ngày...**5**... tháng...**6**... năm...**1982**

*GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Nguyễn Văn Tiết

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 330626740

Họ tên: TRẦN THỊ HÀNG NGA



Sinh ngày: 1941

Nguyên quán: Trưng Hiệp

Vũng Liêm, Cửu Long

Nơi thường trú: An Thới An

An Bình, Long Hồ, Cửu Long

Dân tộc: kinh

Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chằm cách 2cm
dưới sau mép phải

Ngày 06 tháng 08 năm 1980

T.Ư.QUY GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
TRUNG PHONG CSI.



Nguyễn Văn Bé

Số. Ty
Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 331006344

Họ tên Nguyễn Quang Chánh
Tên thường gọi 1938

Nơi thường trú An Bình

Vĩnh Long Ch

Dấu vết rìng hoặc di hình

trên

Tên họ và họ đệm của người ký

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại: An Bình

Hết đến ngày / / 19 trả giấy CMND

Ngân trở lại

Ngày 23 / 12 / 19 87

(Chỉ rõ họ tên người ký)



TRẦN THỊ HẸNG NGA.
số 4-18-05-1941
tại PHONG THỔ
"VĨNH LONG"



Nguyễn Quang
L. T.
Quí

Ngày Sinh

11 - 11 - 1972

5050



Vụ trưởng quan, Minh
cơ sở này: 05-06-1974
tại Vĩnh Linh - Bắc Hải



Nguyễn Quang Trung TRỰC

sinh - 1976

Ta - ~~Văn~~

Xã V. THANH

Đỉnh Chưong Thiệu



Nguyễn Quang T. Chánh

sinh: 04-12-1938.

Tại - An Thành

Vĩnh Long.



Nguyễn Quang Phú.

sinh: 02 th 11. 1969

nơi sinh: Vĩnh Lộc

Bạc Liêu.

From: Nguyễn Quang-T. Chanh.
Hộp thư: 115 Bưu điện Vĩnh Long
(Thị trấn Cầu Long).



PAR AVION



Tên: Bà: KHUÊ MINH THƠ.

P.O. BOX 5435, Arlington VA. 22205. 0635
Telephone:

U.S.A.

OCT 11 1989



VIA AIR MAIL PAR AVION

6. μ^2

 $\times 10^4$ mol/L

1999

CONTROL

~~Card~~
~~X~~ Request Form 12/8/89
~~Request Order~~
~~Computer~~
~~Form "1"~~
~~OPP/Date~~
~~Master copy, letter~~